TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 368/2023/DS-ST
Ngày: 21/9/2023
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán điện.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Quỳnh;
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 240/2023/DSST ngày 19/04/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán điện" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2023/QĐXXST-DS ngày 17/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 259/2023/QĐST-DS ngày 05/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Điện lực Thành phố H;

Địa chỉ trụ sở: C T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Khắc Q, Chức vụ Đội Trưởng Đội quản lý thu ghi – Công ty Đ (Giấy uỷ quyền số 3903/UQ-EVNHCMC ngày 31/08/2022 của Tổng công ty điện lực Thành phố H - Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Võ Thị Xuân N, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: A KP3 H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09 tháng 04 năm 2019 Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố H – Công ty Đ đã ký hợp đồng số 19/016330 về việc mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với bà Võ Thị Xuân N.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Võ Thị Xuân N đã thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền điện sử dụng hàng tháng. Tuy nhiên, từ các tháng 06, 07 năm 2021 đến nay bà Võ Thị Xuân N đã không thanh toán tiền điện đúng hạn theo hợp đồng đã ký nêu trên.

Bà Võ Thị Xuân N nợ tiền điện quá kỳ hạn thanh toán 02 hoá đơn như sau:

1. Hoá đơn số 2310725 khách hàng sử dụng điện từ ngày 23/05/2021 đến 22/06/2021 với số tiền 722.451 (Bảy trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm năm mươi mốt) đồng.

2. Hoá đơn số 2482861 khách hàng sử dụng điện từ ngày 23/06/2021 đến 22/07/2021 với số tiền 38.762 (Ba mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi hai) đồng.

Tổng số tiền nợ của 02 hoá đơn: 761.213 (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm mười ba) đồng. Tổng công ty Điện lực Thành phố H đã thông báo ngừng cung cấp điện ngày 09/12/2021. Hiện nay, Tổng công ty Điện lực Thành phố H đã ngừng cung cấp điện cho Bà Võ Thị Xuân N tại địa chỉ theo hợp đồng mua bán điện, nhưng đến nay khách hàng vẫn chưa thanh toán

Nay Tổng công ty Điện lực Thành phố H yêu cầu bà Võ Thị Xuân N phải thanh toán đầy đủ số tiền điện còn nợ là 761.213 (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm mười ba) đồng cho Tổng công ty Điện lực Thành phố H.

Nguyên đơn Tổng công ty Điện lực Thành phố H có người đại diện ủy quyền là ông Lê Khắc Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Bà Võ Thị Xuân N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Võ Thị Xuân N vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về: thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Nguyên đơn và người đại diện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Võ Thị Xuân N phải trả số tiền còn nợ lại theo Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số số 19/016330, mã khách hàng: PE05000081263 ngày 09/04/2019 thì đây là tranh chấp về "Hợp đồng mua bán điện" được quy định tại Điều 688, Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 22 Luật Điện lực năm 2004.

[1.2] Căn cứ vào Đơn xin xác nhận tạm trú ngày 25/12/2021 của bà Võ Thị Xuân N thì Công an phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận bà Võ Thị Xuân N tạm trú dài hạn tại địa chỉ A K H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt 19/016330, mã khách hàng: PE05000081263 ngày 09/04/2019 thể hiện bà Võ Thị Xuân N tại thời điểm ký kết hợp đồng với nguyên đơn có địa chỉ tại số A K H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.4] Theo kết quả xác minh của Công an phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tại Phiếu yêu cầu xác minh số 169/2023/PYCXM ngày 09/5/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì bà Võ Thị Xuân N không thực tế cư trú tại địa chỉ: A KP3 H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết Số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao: "*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*",

Từ sự phân tích ở các mục từ [1.2] đến [1.5] và theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hình thức:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Võ Thị Xuân N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn theo theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét, Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 19/016330, mã khách hàng: PE05000081263 ngày 09/04/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Thông tư số 19/2014/TTBCT của Bộ C ngày 18/6/2014 về việc ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt, nên đủ căn cứ xác định bị đơn bà Võ Thị Xuân N có mua điện phục vụ mục đích sinh hoạt tại địa chỉ A K H, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Hóa đơn GTGT tiền điện số 2310725 và số 2482861 thì tổng số tiền điện mà bị đơn bà Võ Thị Xuân N đã sử dụng theo hợp đồng trên là 761.213 (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm mười ba) đồng.

Căn cứ vào các Thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán ngày 07/12/2021, 08/12/2021 của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Bị đơn là bà Võ Thị Xuân N còn nợ 02 kỳ tiền điện với tổng số tiền là 761.213 (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm mười ba) đồng. Do đó, nguyên đơn đã ngừng cung cấp điện là đúng theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2004.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Xuân N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa để giải quyết, không cung cấp chứng cứ, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trình bày của nguyên đơn được chấp nhận mà không cần phải chứng minh do bị đơn đã không đưa ra chứng cứ chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên có căn cứ quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là bà Võ Thị Xuân N phải trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền 761.213 (Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm mười ba) đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 280, Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 23, điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004.

- Căn cứ Luật phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ điểm b Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Khắc Q; bị đơn bà Võ Thị Xuân N.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

Buộc bà Võ Thị Xuân N phải thanh toán 02 kỳ tiền điện của các Hóa đơn số 2310725 và 2482861 với tổng số tiền là 761.213 Bảy trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm mười ba) đồng cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thị Xuân N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

- Tổng Công ty Điện lực Thành phố H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. H lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0015870 ngày 19/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Tổng Công ty Điện lực Thành phố H và bà Võ Thị Xuân N được quyền

kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày được tống đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (TK. Vân Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đào Lê Anh